

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA
Chất lượng giống thủy sản trong sản xuất, ương dưỡng

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 26/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý giống, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản;

Căn cứ quy chuẩn quốc gia TCVN 02-25:2017/BNNPTNT – Cơ sở sản xuất cá rô phi giống – yêu cầu kỹ thuật bảo đảm vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường;

Căn cứ tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9586:2014 cá nước ngọt – yêu cầu kỹ thuật;

Căn cứ tiêu chuẩn cơ sở TCCS 01/2014/HTXNTTS - Chất lượng cá giống nước ngọt;

Căn cứ tiêu chuẩn cơ sở TCCS 01:2018/CTY CP GNTTS - Chất lượng cá giống nước ngọt.

Căn cứ các kết quả thử nghiệm số 4441/CĐXN-CĐ ngày 04/9/2020; 5000/CĐXN-CĐ ngày 01/10/2020 của Chi cục thú y vùng III.

Thực hiện Quyết định số 164/QĐ-CCTS.NTTS ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thủy sản về việc thành lập Đoàn kiểm tra chất lượng giống thủy sản trong sản xuất, ương dưỡng. Ngày 20/8/2020, đoàn đã tiến hành kiểm tra chất lượng cá giống tại Trại cá giống Đô Lương thuộc Công ty CP giống nuôi trồng thủy sản Nghệ An – Xóm 15 - xã Thịnh Sơn - huyện Đô Lương - tỉnh Nghệ An.

Xét Báo cáo kết quả kiểm tra ngày 01/10/2020 của Trưởng đoàn kiểm tra, Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản Nghệ An thông báo kết quả kiểm tra như sau:

I. KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Kết quả sản xuất đến thời điểm kiểm tra theo khai báo và hồ sơ lưu trữ:

- Đối tượng kiểm tra: cá Trắm cỏ, cá Mè hoa, cá Mè trắng, cá Mrigal, cá Rôhu (trôi Ấn Độ), cá Chép V1, Cá Rô phi vằn Đường Nghiệp giống.

- Số lượng sản xuất, ương dưỡng:

* Sản xuất, ương dưỡng:

- Cá bột: 51 triệu con trong đó: Cá Trắm cỏ 12 triệu con, cá Chép V1 26 triệu con, cá Mè trắng 7 triệu con, cá Mrigal + cá Rôhu: 6 triệu con.

- Cá hương: 10,65 tấn, trong đó: Cá Trắm cỏ 2,5 tấn, Cá Mè trắng 2,4 tấn, cá Mè hoa 1 tấn, cá Chép 2,6 tấn, cá Mrigal 0,65 tấn, cá Rôhu (trôi Ấn Độ) 0,65 tấn, cá Rô phi Đường Nghiệp 0,85 tấn.

- Cá giống: 42,11 triệu tấn, trong đó:

+ Cá Trắm cỏ: 12,2 tấn, đã xuất bán 4,2 tấn hiện còn 8 tấn.

+ Cá Mè trắng: 5,3 tấn đã xuất bán 3,8 tấn, hiện còn 1,5 tấn.

+ Cá Mè hoa: 4,2 tấn đã xuất bán 2,7 tấn, hiện còn 1,5 tấn.

+ Cá Chép: 9,4 tấn đã xuất bán 4,4 tấn, hiện còn: 5 tấn.

+ Cá Mrigal: 4,95 tấn đã xuất bán 2,45 tấn, hiện còn 2,5 tấn.

+ Cá Rôhu (trôi Ấn Độ): 4,95 tấn đã xuất bán 2,45 tấn, hiện còn 2,5 tấn.

* Ương dưỡng giống:

- Cá Rô phi Đường Nghiệp: cá hương: 0,85 tấn, cá giống 1,11 tấn đã xuất bán 1 tấn, hiện còn 0,11 tấn (1 vạn con). Số lượng cá bột nhập: 5 triệu con, nguồn gốc: tỉnh Hải Dương.

- Cá Trắm đen: Số lượng cá bột nhập: 2 triệu con. Nguồn gốc: tỉnh Hải Dương. Hiện chưa xuất bán.

- Cá Chim trắng: cá hương: 0,55 tấn, cá giống: 0,93 tấn. Số lượng cá bột nhập: 2 triệu con, nguồn gốc: tỉnh Thanh Hóa.

- Cá Leo: cá giống 0,68 tấn. Số lượng cá hương nhập: 6 vạn, nguồn gốc: tỉnh Hải Dương.

- Cá Lăng châm: cá giống ước đạt: 0,45 tấn. Số lượng cá hương nhập 3,6 vạn, nguồn gốc tỉnh Hải Dương, hiện tại đang còn khoảng 0,13 tấn.

2. Kết quả kiểm tra chất lượng giống

2.1. Về Kiểm tra sự phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy định của Bộ Nông nghiệp & PTNT.

Tại thời điểm kiểm tra:

a. Về thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng: cơ sở đã thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng.

b. Kiểm tra cảm quan sự phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy định của Bộ Nông nghiệp & PTNT

Cơ sở đang ương nuôi ghép các đối tượng cá Trắm cỏ, cá Mè hoa, cá Mè trắng, cá Mrigal, cá rô hu (trôi Ấn độ), cá Chép V1 tại 90 ao của dãy A, B, C, D, E, H, G, E1, E2

** Đối với cá Trắm cỏ*

- Số lượng giống được kiểm tra: 8 tấn.
- Thời gian ương nuôi tính từ cá hương: 105 ngày.
- Chiều dài: Đặt cá lên thước để đo từ mút đầu đến cán đuôi, kết quả cho thấy đa số cá đạt chiều dài: 13,5 cm/con.
- Khối lượng: cá đạt kích cỡ trung bình: 40 g/con.
- Ngoại hình: Quan sát đàn cá giống trong chậu ở vị trí có ánh sáng tự nhiên, kết quả cho thấy cỡ cá đồng đều, cân đối, vây vẩy hoàn chỉnh, không sây sát, không mất nhớt, màu sắc tươi sáng.
- Trạng thái hoạt động: Cá bơi nhanh nhẹn, bơi theo bầy đàn, phản ứng nhanh với tiếng động, ánh sáng.
- Tình trạng sức khỏe: Không có dấu hiệu bệnh lý, tỷ lệ dị hình không lớn hơn 1%.

Các chỉ tiêu cảm quan yêu cầu đối với cá Trắm cỏ giống đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn cơ sở công bố áp dụng và tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9586:2014 cá nước ngọt – yêu cầu kỹ thuật.

** Đối với cá Mè hoa giống*

- Số lượng giống được kiểm tra: 1,5 tấn.
- Thời gian ương nuôi tính từ cá hương: 60 ngày.
- Chiều dài: Đặt cá lên thước để đo từ mút đầu đến cán đuôi, kết quả cho thấy đa số cá đạt chiều dài: 15 cm/con.
- Khối lượng: cá đạt kích cỡ trung bình: 25 g/con.
- Ngoại hình: Quan sát đàn cá giống trong chậu ở vị trí có ánh sáng tự nhiên, kết quả cho thấy cỡ cá đồng đều, cân đối, vây vẩy hoàn chỉnh, không sây sát, không mất nhớt, màu sắc tươi sáng.
- Trạng thái hoạt động: Cá bơi nhanh nhẹn, bơi theo bầy đàn, phản ứng nhanh với tiếng động, ánh sáng.
- Tình trạng sức khỏe: Không có dấu hiệu bệnh lý, tỷ lệ dị hình không lớn hơn 1%.

Các chỉ tiêu cảm quan yêu cầu đối với cá Mè hoa giống đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn cơ sở công bố áp dụng và tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9586:2014 cá nước ngọt – yêu cầu kỹ thuật.



** Đối với cá Mè trắng giống*

- Số lượng giống được kiểm tra: 1,5 tấn.
- Thời gian ương nuôi tính từ cá hương: 60 ngày
- Chiều dài: Đặt cá lên thước dẹt để đo từ mút đầu đến cán đuôi, kết quả cho thấy đa số cá đạt chiều dài trung bình: 12 cm/con.
- Khối lượng: cá đạt kích cỡ trung bình: 20 g/con.
- Ngoại hình: Quan sát đàn cá giống trong chậu ở vị trí có ánh sáng tự nhiên, kết quả cho thấy cỡ cá đồng đều, cân đối, vây vẩy hoàn chỉnh, không sây sát, không mất nhớt, màu sắc tươi sáng.
- Trạng thái hoạt động: Cá bơi nhanh nhẹn, bơi theo bầy đàn, phản ứng nhanh với tiếng động, ánh sáng.

- Tình trạng sức khỏe: Không có dấu hiệu bệnh lý, tỷ lệ dị hình không lớn hơn 1%.

Các chỉ tiêu cảm quan yêu cầu đối với cá Mè trắng giống đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn cơ sở công bố áp dụng và tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9586:2014 cá nước ngọt – yêu cầu kỹ thuật.

** Đối với cá Mrigal giống*

- Số lượng giống được kiểm tra: 2,5 tấn.
- Thời gian ương nuôi tính từ cá hương: 90 ngày
- Chiều dài: Đặt cá lên thước dẹt để đo từ mút đầu đến cán đuôi, kết quả cho thấy đa số cá đạt chiều dài trung bình: 12 cm/con.
- Khối lượng: cá đạt kích cỡ trung bình: 30 g/con.
- Ngoại hình: Quan sát đàn cá giống trong chậu ở vị trí có ánh sáng tự nhiên, kết quả cho thấy cỡ cá đồng đều, cân đối, vây vẩy hoàn chỉnh, không sây sát, không mất nhớt, màu sắc tươi sáng.
- Trạng thái hoạt động: Cá bơi nhanh nhẹn, bơi theo bầy đàn, phản ứng nhanh với tiếng động, ánh sáng.

- Tình trạng sức khỏe: Không có dấu hiệu bệnh lý, tỷ lệ dị hình không lớn hơn 1%.

Các chỉ tiêu cảm quan yêu cầu đối với cá Mrigal giống đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn cơ sở công bố áp dụng và tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9586:2014 cá nước ngọt – yêu cầu kỹ thuật.

** Đối với cá rô hu (trôi Ấn Độ) giống*

- Số lượng giống được kiểm tra: 2,5 tấn.
- Thời gian ương nuôi tính từ cá hương: 100 ngày.

- Chiều dài: Đặt cá lên thước để đo từ mút đầu đến cán đuôi, kết quả cho thấy đa số cá đạt chiều dài: 17 cm/con.

- Khối lượng: cá đạt kích cỡ trung bình: 50 g/con.

- Ngoại hình: Quan sát đàn cá giống trong chậu ở vị trí có ánh sáng tự nhiên, kết quả cho thấy cỡ cá đồng đều, cân đối, vây vẩy hoàn chỉnh, không sây sát, không mất nhớt, màu sắc tươi sáng.

- Trạng thái hoạt động: Cá bơi nhanh nhẹn, bơi theo bầy đàn, phản ứng nhanh với tiếng động, ánh sáng.

- Tình trạng sức khỏe: Không có dấu hiệu bệnh lý, tỷ lệ dị hình không lớn hơn 1%.

Các chỉ tiêu cảm quan yêu cầu đối với cá rôhu (trôi Ấn Độ) giống đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn cơ sở công bố áp dụng và tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9586:2014 cá nước ngọt – yêu cầu kỹ thuật.

* Đối với cá Chép V1 giống

- Số lượng giống được kiểm tra: 5 tấn.

- Thời gian ương nuôi tính từ cá hương: 100 ngày.

- Chiều dài: Đặt cá lên thước để đo từ mút đầu đến cán đuôi, kết quả cho thấy đa số cá đạt chiều dài: 13 cm/con.

- Khối lượng: cá đạt kích cỡ trung bình: 50 g/con.

- Ngoại hình: Quan sát đàn cá giống trong chậu ở vị trí có ánh sáng tự nhiên, kết quả cho thấy cỡ cá đồng đều, cân đối, vây vẩy hoàn chỉnh, không sây sát, không mất nhớt, màu sắc tươi sáng.

- Trạng thái hoạt động: Cá bơi nhanh nhẹn, bơi theo bầy đàn, phản ứng nhanh với tiếng động, ánh sáng.

- Tình trạng sức khỏe: Không có dấu hiệu bệnh lý, tỷ lệ dị hình không lớn hơn 1%.

Các chỉ tiêu cảm quan yêu cầu đối với cá Chép V1 giống đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn cơ sở công bố áp dụng và tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9586:2014 cá nước ngọt – yêu cầu kỹ thuật.

* Đối với cá Rô phi vằn Đường nghiệp giống

- Số lượng giống được kiểm tra: 0,11 tấn (01 vạn con) được ương nuôi ở Bể 1

- Thời gian ương nuôi tính từ cá hương: 60 ngày.

- Chiều dài: Đặt cá lên thước để đo từ mút đầu đến cán đuôi, kết quả cho thấy đa số cá đạt chiều dài: 9 cm/con.

- Khối lượng: cá đạt kích cỡ trung bình: 11 g/con.



- Ngoại hình: Quan sát đàn cá giống trong chậu ở vị trí có ánh sáng tự nhiên, kết quả cho thấy cỡ cá đồng đều, cân đối, vây vẩy hoàn chỉnh, không sây sát, không mất nhớt, màu sắc tươi sáng.

- Trạng thái hoạt động: Cá bơi nhanh nhẹn, bơi theo bầy đàn, phản ứng nhanh với tiếng động, ánh sáng.

- Tình trạng sức khỏe: Không có dấu hiệu bệnh lý, tỷ lệ dị hình không lớn hơn 1%.

Các chỉ tiêu cảm quan yêu cầu đối với cá rô phi vằn Đường Nghiệp giống đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn cơ sở công bố áp dụng và tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9586:2014 cá nước ngọt – yêu cầu kỹ thuật.

2.2. Kiểm tra việc ghi nhãn và hồ sơ trong quá trình sản xuất, ương dưỡng.

Tại thời điểm kiểm tra:

- Về ghi nhãn: cơ sở thực hiện ghi nhãn giống thủy sản theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa.

- Hồ sơ trong quá trình sản xuất: cơ sở có ghi ghép nhật ký và lưu trữ hồ sơ.

2.3. Lấy mẫu thử nghiệm

Tại thời điểm kiểm tra cơ sở không có hồ sơ xét nghiệm mầm bệnh do vi khuẩn *Streptococcus sp* và *Aeromonas sp* đối với cá rô phi vằn Đường nghiệp giống. Mặt khác, đây là thời điểm thường xảy ra loại bệnh này do đó đoàn sẽ tiến hành lấy mẫu cá rô phi vằn Đường nghiệp giống để kiểm tra.

- Số lượng mẫu lấy: 01 mẫu.

- Chỉ tiêu xét nghiệm: Mầm bệnh do vi khuẩn *Streptococcus sp* và *Aeromonas sp*.

- Kết quả kiểm tra thử nghiệm: Căn cứ các kết quả thử nghiệm số 4441/CĐXN-CĐ ngày 04/9/2020; 5000/CĐXN-CĐ ngày 01/10/2020 của Chi cục thú y vùng III, mẫu cá giống âm tính với vi khuẩn *Streptococcus sp* và *Aeromonas sp*.

- Chi phí lấy mẫu và thử nghiệm mẫu theo Điều 41 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007.

III. NHẬN XÉT

Tại thời điểm kiểm tra:

- Về sự phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy định của Bộ Nông nghiệp & PTNT:

+ Các chỉ tiêu cảm quan yêu cầu đối với cá: Trầm cỏ, Mè hoa, Mè trắng, Trôi Mrigal, rô hu (trôi Ấn Độ), Chép VI và rô phi vằn Đường Nghiệp giống đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn cơ sở công bố áp dụng và các quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

+ Chỉ tiêu về mầm bệnh: Cá rô phi vân Đường Nghiệp giống âm tính với vi khuẩn *Streptococcus sp* và *Aeromonas sp*.

- Về ghi nhãn: cơ sở thực hiện ghi nhãn giống thủy sản theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa.

- Ghi chép và lưu trữ hồ sơ: có thực hiện ghi chép, lưu trữ hồ sơ trong quá trình sản xuất, ương dưỡng.

IV. KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI CƠ SỞ:

Đề nghị cơ sở thực hiện tốt các nội dung như sau:

- Các đối tượng cơ sở không sản xuất chỉ thực hiện ương dưỡng cần lựa chọn cá bột, cá hương tại các cơ sở có nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo và cung cấp đầy đủ hồ sơ liên quan đến mua bán

- Tiếp tục thực hiện tốt: Quy định của nhà nước về sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản; Chăm sóc đàn cá giống theo đúng quy trình kỹ thuật đã xây dựng; Ghi chép các thông tin của sổ nhật ký và lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định; Đặc biệt, chỉ xuất bán cá bột, cá hương, cá giống đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn cơ sở công bố áp dụng và các quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Trên đây là kết quả đợt kiểm tra chất lượng giống thủy sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Yêu cầu cơ sở thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- Sở NN&PTNT (B/cáo);
- Lãnh đạo phụ trách (Đ/biết);
- Phòng NN Đô Lương (Ph/hợp);
- Trại cá giống Đô Lương (Th/hiện);
- Lưu: VT, NTTS.



CHI CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Chí Lương